

TRẮC NGHIỆM SINH 12 BÀI 24 PHẦN 5 CÓ ĐÁP ÁN

Câu 1. Có bao nhiêu phát biểu đúng trong số những phát biểu sau:

- (1) Gai của cây hoa hồng là biến dạng của lá, còn gai của cây xương rồng là biến dạng của thân, và do có nguồn gốc khác nhau nên không được xem là cơ quan tương đồng.
- (2) Cánh của bồ câu và cánh của châu chấu là cơ quan tương đồng do có chức năng giống nhau là giúp cơ thể bay.
- (3) Tuyến tiết nọc độc của rắn và tuyến tiết nọc độc của bò cạp vừa được xem là cơ quan tương đồng, vừa được xem là cơ quan tương tự.
- (4) Các cơ quan tương đồng có thể có hình thái, cấu tạo chi tiết không giống nhau do chúng thực hiện chức năng khác nhau.

- A. 1.
- B. 2
- C. 0
- D. 3

Câu 2. Trong các hiện tượng dưới đây, có bao nhiêu hiện tượng nói về sự cách li sau hợp tử.

- (1) Cừu giao phối với dê có thụ tinh nhưng hợp tử bị chết ngay.
- (2) Hai loài thực vật có thời gian ra hoa khác nhau.
- (3) Trứng nhái thụ tinh bằng tinh trùng cóc thì hợp tử không phát triển.
- (4) Hai loài côn trùng có tập tính giao phối khác nhau.

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 1.

Câu 3. Các cá thể khác loài có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên không thể giao phối với nhau. Đó là dạng cách li gì?

- A. Tập tính
- B. Cơ học
- C. Trước hợp tử
- D. Sau hợp tử

Câu 4. Biến động di truyền là?

- A. Hiện tượng thay đổi tần số alen trong quần thể do tác động của yếu tố ngẫu nhiên.

- B. Hiện tượng đột biến phát sinh mạnh trong một quần thể có kích thước nhỏ làm thay đổi tần số alen.
- C. Hiện tượng di nhập gen ở một quần thể lớn làm thay đổi tần số của các alen.
- D. Hiện tượng môi trường sống thay đổi làm thay đổi giá trị thích nghi của các alen nên tần số alen thay đổi.

Câu 5. Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu không đúng khi nói về tác động của chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại?

- I. Chọn lọc tự nhiên đào thải alen lặn làm thay đổi tần số alen nhanh hơn so với trường hợp chọn lọc chống lại alen trội.**
- II. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể vi khuẩn chậm hơn so với quần thể sinh vật lưỡng bội.**
- III. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào chọn lọc chống lại alen lặn hay chống lại alen trội.**
- IV. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen, dẫn đến làm biến đổi tần số alen của quần thể.**

- A. 4
- B. 2
- C. 1
- D. 3

Câu 6. Có bao nhiêu ví dụ về hướng tiến hóa hội tụ?

- I. Gai xương rồng và gai hoa hồng.**
- II. Cánh dơi và cánh bướm.**
- III. Chi trước của mèo và tay người.**
- IV. Chi trước của chó sói và chi trước của voi.**

- A. 2
- B. 1.
- C. 0.
- D. 3.

Câu 7. Quá trình tiến hóa nhỏ có đặc điểm

- A. Không làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- B. Diễn ra trên phạm vi rộng lớn, trong thời gian dài.
- C. Có thể nghiên cứu bằng thực nghiệm.
- D. Không cần sự tác động của các nhân tố tiến hóa.

Câu 8. Một trong những vai trò của giao phối ngẫu nhiên đối với tiến hóa là?

- B. Làm thay đổi đột ngột tần số alen của quần thể.

- C. Làm thay đổi tần số alen của một gen nào đó theo một hướng xác định.
- D. Làm tăng dần tần số kiểu gen đồng hợp tử giảm dần tần số kiểu gen dị hợp tử.
- A. Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp, là nguồn nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa.

Câu 9. Cho các phát biểu sau đây:

- I. Chọn lọc tự nhiên đào thải alen lặn chậm hơn so với trường hợp chọn lọc chống lại alen trội.**
- II. Chọn lọc tự nhiên chỉ tác động khi điều kiện môi trường sống thay đổi.**
- III. Đột biến và di - nhập gen là nhân tố tiến hoá có thể làm xuất hiện các alen mới trong quần thể sinh vật**
- IV. Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số các alen không theo một hướng xác định.**

Số phát biểu đúng theo quan điểm hiện đại về tiến hóa là:

- A. 4
- B. 2
- C. 3
- D. 1

Câu 10. Theo Đacuyn, đối tượng chịu tác động trực tiếp của chọn lọc tự nhiên là?

- A. Cá thể.
- B. Quần thể.
- C. Quần xã.
- D. Hệ sinh thái.

Câu 11. Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố tiến hóa vì?

- A. Làm thay đổi thành phần kiểu gen nhưng không làm thay đổi tần số tương đối của các alen.
- B. Làm thay đổi tần số alen và thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.
- C. Làm thay đổi tần số alen và không làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.
- D. Không làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

Câu 12. Điều gì là đúng đối với các yếu tố ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên?

- I. Chúng đều là các nhân tố tiến hóa.**
- II. Chúng đều là các quá trình hoàn toàn ngẫu nhiên.**
- III. Chúng đều dẫn đến sự thích nghi.**
- IV. Chúng đều làm giảm đa dạng di truyền của quần thể.**

Số câu trả lời đúng là:

- A. 4.
- B. 2

C. 3

D. 1

Câu 13. Cho các đặc điểm sau của các nhân tố tiến hoá:

I. Làm thay đổi tần số kiểu gen của quần thể.

II. Có thể dẫn đến làm nghèo vốn gen của quần thể, giảm sự đa dạng di truyền.

III. Làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể rất chậm.

IV. Cung cấp nguồn biến dị thứ cấp cho quá trình tiến hoá.

Trong các đặc điểm trên, nhân tố giao phối không ngẫu nhiên có mấy đặc điểm?

A. 1

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 14. Theo quan niệm tiến hóa hiện đại, chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên:

A. Kiểu gen của cơ thể.

B. Các alen của kiểu gen.

C. Các alen có hại trong quần thể.

D. Kiểu hình của cơ thể.

Câu 15. Quá trình giao phối ngẫu nhiên không được xem là nhân tố tiến hóa vì?

A. Làm thay đổi tần số các alen trong quần thể.

B. Tạo ra những tổ hợp gen thích nghi.

C. Tạo ra trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.

D. Tạo ra vô số dạng biến dị tổ hợp.

Câu 16. Nhận định nào sau đây là đúng khi đề cập đến nhiễm sắc thể giới tính?

A. Ở tất cả các loài động vật XX quy định con cái, XY quy định con đực.

B. Ở tất cả các loài động vật XX quy định con cái, XY hoặc XO quy định con đực.

C. Nhiễm sắc thể giới tính là nhiễm sắc thể mang gen quy định giới tính.

D. Nhiễm sắc thể giới tính Y ở các loài động vật có kích thước lớn hơn nhiễm sắc thể X.

Câu 17. Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát không đúng khi nói về bằng chứng giải phẫu so sánh?

I. Đa số các loài đều sử dụng chung một bộ mã di truyền.

II. Xương chi trước của các loài động vật có xương sống phân bố từ trong ra ngoài tương tự nhau.

III. Ở các loài động vật có vú, đa số con đực vẫn còn di tích của tuyến sữa không hoạt động.

IV. Gai xương rồng và tua cuốn của đậu Hà Lan là biến dạng của lá.

- A. 3.
- B. 1.
- C. 2
- D. 4

Câu 18. Cho các cặp cơ quan sau:

I. Chân chuột chũi và chân dế chũi.

II. Gai cây hoàng liên và gai cây hoa hồng.

III. Gai cây hoa hồng và gai cây xương rồng.

IV. Nọc độc của rắn và nọc độc của bọ cạp.

Số cặp cơ quan tương tự là

- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 19. Ví dụ nào sau đây là biểu hiện của các li trước hợp tử?

- A. Hai loài muỗi có tập tính giao phối khác nhau nên không giao phối với nhau.
- B. Cừu có thể giao phối với dê tạo thành hợp tử nhưng hợp tử bị chết mà không phát triển thành phôi.
- C. Lừa giao phối với ngựa sinh ra con la, con la không có khả năng sinh sản.
- D. Cải bắp lai với cải củ tạo ra cây lai không có khả năng sinh sản hữu tính.

Câu 20. Nhân tố nào dưới đây không tạo ra nguồn biến dị di truyền cho quần thể?

- A. Quá trình đột biến.
- B. Giảm phân và thụ tinh.
- C. Trao đổi chéo và di nhập gen.
- D. Chọn lọc tự nhiên.

Câu 21. Cho các nhân tố sau :

I. Chọn lọc tự nhiên.

II. Giao phối ngẫu nhiên.

III. Giao phối không ngẫu nhiên.

IV. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Có bao nhiêu nhân tố nói trên có thể làm giảm tính đa dạng di truyền của quần thể ?

- A. 2.
- B. 4.
- C. 3

D. 1

Câu 22. Trong quần thể có xuất hiện thêm alen mới là kết quả của nhân tố tiến hóa nào sau đây?

- A. Chọn lọc tự nhiên.
- B. Giao phối không ngẫu nhiên.
- C. Đột biến.
- D. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Câu 23. Theo quan niệm hiện đại, thực chất của chọn lọc tự nhiên là?

- A. Sự phân hóa khả năng sống sót của các cá thể.
- B. Sự phân hóa khả năng sinh sản của các kiểu gen khác nhau trong quần thể.
- C. Sự phân hóa khả năng kiếm mồi của các cá thể trong quần thể.
- D. Sự phân hóa khả năng thích nghi của các kiểu hình khác nhau trong quần thể.

Câu 24. Có bao nhiêu nhân tố sau đây có thể làm nghèo vốn gen của quần thể?

I. Các yếu tố ngẫu nhiên.

II. Đột biến.

III. Giao phối không ngẫu nhiên.

IV. Giao phối ngẫu nhiên.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 25. Ví dụ nào sau đây thuộc loài cách li sau hợp tử?

- A. Cóc không sống cùng môi trường với cá nên không giao phối với nhau.
- B. Một số cá thể cừu có giao phối với dê tạo ra con lai nhưng con lai thường bị chết ở giai đoạn non.
- C. Ruồi có tập tính giao phối khác với muỗi nên chúng không giao phối với nhau.
- D. Ngựa vằn châu Phi và ngựa vằn châu Á sống ở hai môi trường khác nhau nên không giao phối với nhau.

Câu 26. Làm thay đổi tần số alen không theo một hướng xác định là tác động của?

- A. Chọn lọc tự nhiên.
- B. Giao phối ngẫu nhiên.
- C. Giao phối có lựa chọn.
- D. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Câu 27. Trong các nhân tố tiến hóa sau đây, có bao nhiêu nhân tố có thể làm thay đổi tần số alen của quần thể

I. Đột biến.

II. Chọn lọc tự nhiên.

III. Di - nhập gen.

IV. Giao phối không ngẫu nhiên.

A. 2.

B. 1.

C. 4.

D. 3.

Câu 28. Trong những nhận định sau, có bao nhiêu nhận định không đúng về tiến hóa nhỏ?

I. Tiến hóa nhỏ là quá trình biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể qua các thế hệ.

II. Tiến hóa nhỏ là quá trình biến đổi vốn gen của quần thể qua thời gian.

III. Tiến hóa nhỏ diễn ra trong thời gian địa chất lâu dài và chỉ có thể nghiên cứu gián tiếp.

IV. Tiến hóa nhỏ diễn ra trong thời gian lịch sử tương đối ngắn, phạm vi tương đối hẹp.

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5.

Câu 29. Nhân tố tiến hóa nào sau đây không làm thay đổi tần số alen của quần thể?

A. Đột biến.

B. Chọn lọc tự nhiên.

C. Di - nhập gen.

D. Giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 30. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi đột ngột tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

II. Quá trình tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hóa.

III. Các yếu tố ngẫu nhiên làm nghèo vốn gen quần thể, giảm sự đa dạng di truyền nên luôn dẫn tới tiêu diệt quần thể.

IV. Khi không có tác động của các nhân tố: Đột biến, chọn lọc tự nhiên và di - nhập gen thì tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể sẽ không thay đổi.

- A. 2.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 31. Cho các phát biểu sau đây :

I. Đột biến và di - nhập gen là nhân tố tiến hoá có thể làm xuất hiện các alen mới trong quần thể sinh vật.

II. Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số các alen không theo một hướng xác định.

III. Chọn lọc tự nhiên phân hóa khả năng sống sót và khả năng sinh sản của các kiểu gen khác nhau trong quần thể.

IV. Chọn lọc tự nhiên sẽ đào thải hoàn toàn một alen trội có hại ra khỏi quần thể khi chọn lọc chống lại alen trội.

Số phát biểu đúng theo quan điểm hiện đại về tiến hóa là:

- A. 3.
- B. 4.
- C. 1.
- D. 2.

Câu 32. Theo quan điểm tiến hóa hiện đại, nhân tố có vai trò định hướng quá trình tiến hóa là?

- A. Giao phối không ngẫu nhiên.
- B. Đột biến.
- C. Chọn lọc tự nhiên.
- D. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Câu 33. Dấu hiệu chung của các nhân tố tiến hóa: đột biến, giao phối không ngẫu nhiên, chọn lọc tự nhiên là:

- A. Làm phát sinh những kiểu gen mới trong quần thể.
- B. Làm phát sinh những biến dị mới trong quần thể.
- C. Làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- D. Làm thay đổi tần số kiểu gen của quần thể.

Câu 34. Khi nói về tiến hóa nhỏ, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tiến hóa nhỏ là quá trình tiến hóa của các loài vi sinh vật.
- B. Tiến hóa nhỏ diễn ra ở cấp độ cá thể, kết quả dẫn tới hình thành loài mới.

C. Tiến hóa nhỏ diễn ra trong phạm vi tương đối rộng, thời gian tương đối dài.

D. Có thể nghiên cứu tiến hóa nhỏ bằng các thực nghiệm khoa học.

Câu 35. Khi nói về các yếu tố ngẫu nhiên theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các yếu tố ngẫu nhiên chỉ làm thay đổi tần số alen của quần thể có kích thước nhỏ.

B. Các yếu tố ngẫu nhiên làm tăng đa dạng di truyền của quần thể.

C. Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể theo một hướng xác định.

D. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể loại bỏ hoàn toàn một alen có lợi ra khỏi quần thể.

Câu 36. Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất, ở đại nào sau đây phát sinh loài người?

A. Đại Nguyên sinh

B. Đại Cổ sinh.

C. Đại Tân sinh.

D. Đại Nguyên sinh.

Câu 37. Theo quan điểm của học thuyết tiến hoá tổng hợp, xét các phát biểu sau đây?

I. Chọn lọc tự nhiên quy định chiều hướng và nhịp độ của quá trình tiến hoá

II. Các cơ chế cách ly thúc đẩy sự thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể

III. Giao phối gần không làm thay đổi tần số lượng đối của các alen trong quần thể

IV. Đột biến tạo nguồn nguyên liệu sơ cấp cho tiến hóa

Có bao nhiêu kết luận đúng:

A. 2

B. 1

C. 3

D. 4

Câu 38. Khi nói về chọn lọc tự nhiên, phát biểu đúng?

A. Trong một quần thể, quá trình chọn lọc tự nhiên có thể sẽ làm tăng tính đa dạng của sinh vật.

B. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu hình, qua đó gián tiếp làm biến đổi kiểu gen và tần số alen.

C. Chọn lọc tự nhiên chỉ làm thay đổi tần số alen mà không làm thay đổi tỉ lệ kiểu gen của quần thể.

D. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen không theo một hướng xác định.

Câu 39. Ví dụ nào sau đây là ví dụ cơ quan tương đồng?

- A. Đuôi cá mập và đuôi cá voi.
- B. Vòi voi và vòi bạch tuộc.
- C. Ngà voi và sừng tê giác.
- D. Cánh dơi và tay người

Câu 40. Cặp cơ quan nào sau đây là cơ quan tương tự?

- A. Chân trước của mèo và cánh dơi.
- B. Tuyến nước bọt của người và tuyến nọc độc của rắn.
- C. Vây ngực cá voi và chân trước của mèo.
- D. Mang cá và mang tôm.

Câu 41. Tiến hoá nhỏ là

- A. quá trình làm biến đổi cấu trúc di truyền của lớp.
- B. quá trình làm biến đổi cấu trúc di truyền của giới.
- C. quá trình làm biến đổi cấu trúc di truyền của bộ.
- D. quá trình làm biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể.

Câu 42. Lừa giao phối với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản là ví dụ minh họa cơ chế cách ly:

- A. thời gian.
- B. nơi ở.
- C. cơ học.
- D. sau hợp tử.

Câu 43. Khi nói về sự phát sinh loài người, điều nào sau đây không chính xác?

- A. Loài người xuất hiện vào đầu kỉ đệ tứ ở đại tân sinh.
- B. Vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.
- C. Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến hóa từ vượn người thành người.
- D. Có sự tiến hóa văn hóa trong xã hội loài người.

Câu 44. Khi nói về quá trình hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Quá trình hình thành loài diễn ra trong một thời gian rất dài, trải qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp.
- B. Loài mới luôn có bộ nhiễm sắc thể với số lượng lớn hơn bộ nhiễm sắc thể của loài gốc.
- C. Loài mới được hình thành trong cùng một khu vực địa lí với loài gốc.
- D. Xảy ra chủ yếu ở những loài động vật có tập tính giao phối phức tạp.

Câu 45. Có mấy phát biểu sau đây đúng khi nói về quá trình hình thành loài mới?

1. Hình thành loài bằng cách li sinh thái thường xảy ra với những loài động vật ít di chuyển xa.
2. Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.
3. Hình thành loài nhờ lai xa và đa bội hóa thường xảy ra trong quần xã gồm nhiều loài thực vật có quan hệ họ hàng gần gũi.
4. Sự hình thành loài mới không liên quan đến quá trình phát sinh các đột biến Số phương án đúng là

- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 46. Khi nói về vai trò của cách li địa lí trong quá trình hình thành loài mới, có bao nhiêu phát biểu sau đây là không đúng?

- (1) Cách li địa lí là những trở ngại về mặt địa lí như sông, núi, biển.... ngăn cản các cá thể của quần thể cùng loài gặp gỡ và giao phối với nhau.
- (2) Cách li địa lí trong một thời gian dài sẽ dẫn đến cách li sinh sản và hình thành loài mới.
- (3) Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.
- (4) Cách li địa lí có thể xảy ra đối với loài có khả năng di cư, phát tán và những loài ít di cư.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 47. Các nhân tố nào dưới đây làm thay đổi tần số alen nhanh và được xem là các nhân tố gây nên sự tiến hóa mạnh trong sinh giới?

- A. Các yếu tố ngẫu nhiên, di nhập gen, đột biến.
- B. Chọn lọc tự nhiên, các yếu tố ngẫu nhiên, di nhập gen.
- C. Chọn lọc tự nhiên, di nhập gen, đột biến.
- D. Chọn lọc tự nhiên, các yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 48. Khi nói về chọn lọc tự nhiên theo quan niệm hiện đại, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Chọn lọc tự nhiên không bao giờ đào thải hết alen trội gây chết ra khỏi quần thể.
- B. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen, từ đó làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- C. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể vi khuẩn chậm hơn so với quần thể sinh vật lưỡng bội.
- D. Chọn lọc chống lại alen lặn làm thay đổi tần số alen chậm hơn so với chọn lọc chống lại alen trội.

Câu 49. Động vật có vú đầu tiên xuất hiện ở

- A. kỉ Silua.
- B. kỉ Tam điệp.
- C. kỉ Jura.
- D. kỉ Đệ tam.

Câu 50. Ví dụ nào sau đây phản ánh sự tiến hóa phân li?

- A. tay người và cánh dơi
- B. cánh dơi và cánh ong mật
- C. tay người và vây cá
- D. cánh dơi và cánh bướm

Câu 51. Khi nói về sự phát sinh loài người, ta có các phát biểu sau:

- I. Loài người xuất hiện tại kỉ thứ 3 của đại Tân sinh.
- II. Tiến hóa xã hội là nhân tố chủ đạo trong sự phát triển của con người ngày nay.
- III. Các bằng chứng hóa thạch cho thấy loài xuất hiện sớm nhất trong chi Homo là loài Homo. erectus.
- IV. Giả thuyết "ra đi từ châu phi" cho rằng người Homo erectus từ châu Phi phát tán sang các châu lục khác rồi hình thành nên Homo Sapiens.
- V. Nhờ tiến hóa văn hóa con người có khả năng gây ảnh hưởng đến sự tiến hóa của loài khác và điều chỉnh chiều hướng tiến hóa của chính mình.

Số phát biểu đúng là:

- A. 5
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 52. Cho các phát biểu sau về chọn lọc tự nhiên:

- I. Chọn lọc tự nhiên chỉ tác động lên kiểu hình mà không tác động lên kiểu gen.**
- II. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố quy định chiều hướng biến đổi của các giống vật nuôi và cây trồng.**
- III. Chọn lọc tự nhiên chỉ diễn ra khi môi trường không ổn định.**
- IV. Chọn lọc tự nhiên chỉ làm thay đổi thành phần kiểu gen, không làm thay đổi tần số alen.**
- V. Chọn lọc tự nhiên gồm 2 mặt song song vừa tích lũy các biến dị có lợi vừa đào thải biến dị có hại cho con người.**
- VI. Chọn lọc tự nhiên không diễn ra trong giai đoạn tiến tiến sinh học vì sự sống chưa hình thành.**
- VII. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen ở quần thể vi khuẩn E.Coli nhanh hơn so với quần thể ruồi giấm.**
- VIII. Chọn lọc tự nhiên có thể loại bỏ hoàn toàn alen lặn có hại nào đó ra khỏi quần thể.**

Có bao nhiêu phát biểu là chính xác?

- A. 3
- B. 4
- C. 1
- D. 2

Câu 53. Vai trò chủ yếu của tự phối và giao phối gần trong quá trình tiến hóa nhỏ là

- A. tạo các alen và kiểu gen mới và cung cấp nguồn nguyên liệu thứ cấp cho quá trình tiến hóa.
- B. làm cho đột biến được phát tán trong quần thể và tăng tính đa dạng di truyền của quần thể.
- C. tạo điều kiện cho các alen lặn được biểu hiện, làm thay đổi thành phần kiểu gen trong quần thể.
- D. không làm thay đổi tỷ lệ kiểu gen, giúp duy trì trạng thái cân bằng di truyền của quần thể.

Câu 54. Kết luận nào sau đây không đúng khi nói về ung thư?

- A. Đa số các đột biến ở các gen tiền ung thư thường là đột biến trội và không có khả năng di truyền qua các thế hệ cơ thể.
- B. Đa số các đột biến ở các gen tiền ung thư xảy ra ở tế bào sinh dưỡng nên bệnh ung thư không phải là bệnh di truyền.
- C. Các tế bào của khối u ác tính có thể di chuyển theo máu và tạo ra nhiều khối u ở những vị trí khác nhau trong cơ thể.

D. Các tế bào của khối u lành tính không có khả năng di chuyển theo máu đến các nơi khác nhau trong cơ thể.

Câu 55. Trường hợp nào sau đây không được gọi là cơ quan thoái hóa?

- A. Hai mấu xương hình vuốt nối với xương chậu ở hai bên lỗ huyệt ở loài trăn.
- B. Khe mang ở phôi người.
- C. Ruột thừa ở người.
- D. Di tích của nhụy trong hoa đu đủ đực.

Câu 56. Một nhà khoa học sau một thời gian dài nghiên cứu hoạt động của 2 đàn cá hồi cùng sinh sống trong một hồ đã đi đến kết luận chúng thuộc 2 loài khác nhau. Hiện tượng nào dưới đây là có thể là căn cứ chắc chắn nhất giúp nhà khoa học này đi đến kết luận như vậy?

- A. Các con cá hồi của hai đàn có màu sắc cơ thể đậm nhạt khác nhau.
- B. Các con cá hồi của hai đàn có kích thước cơ thể khác nhau.
- C. Các con cá hồi của hai đàn đẻ trứng ở những khu vực khác nhau trong mùa sinh sản.
- D. Các con cá hồi của hai đàn giao phối với nhau sinh ra con lai không có khả năng sinh sản.

Câu 57. Các sự kiện phát sinh cây hạt trần và cây hạt kín lần lượt xảy ra ở các kỉ nào sau đây?

- A. Kỉ Cacbon và kỉ Phấn trắng.
- B. Kỉ Silua và kỉ Triat.
- C. Kỉ Cacbon và kỉ Triat.
- D. Kỉ Silua và kỉ Phấn trắng.

Câu 58. Bằng chứng trực tiếp chứng minh quá trình tiến hóa của sinh vật là

- A. bằng chứng sinh học phân tử.
- B. bằng chứng hóa thạch.
- C. bằng chứng giải phẫu so sánh.
- D. bằng chứng tế bào học.

Câu 59. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về chọn lọc tự nhiên?

- (1) Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp làm biến đổi tần số kiểu gen, qua đó làm biến đổi tần số alen của quần thể.
- (2) Chọn lọc tự nhiên chống lại alen trội làm biến đổi tần số alen của quần thể nhanh hơn so với chọn lọc chống lại alen lặn.
- (3) Chọn lọc tự nhiên làm xuất hiện các alen mới và làm thay đổi tần số alen của quần thể.

(4) Chọn lọc tự nhiên có thể làm biến đổi tần số alen một cách đột ngột không theo một hướng xác định.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 60. Trong quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất, ở giai đoạn tiến hóa tiền sinh học, dưới tác động của chọn lọc tự nhiên, những tế bào sơ khai được giữ lại và nhân lên là những tế bào

- (1) được hình thành sớm nhất.**
- (2) có khả năng trao đổi chất và năng lượng với môi trường.**
- (3) có khả năng tăng kích thước.**
- (4) có khả năng phân chia và duy trì thành phần hóa học thích hợp của mình.**

Số đặc điểm đúng là:

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 61. Khi nói về các bằng chứng tiến hoá, một học sinh đã đưa ra các nhận định sau:

- (1) Tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một bộ mã di truyền, trừ một vài ngoại lệ.**
- (2) Những loài có quan hệ họ hàng càng gần nhau thì trình tự các axit amin trong prôtêin giống nhau càng nhiều.**
- (3) Nếu trình tự axit amin trong một loại prôtêin giống nhau giữa 2 cá thể thì chúng tỏ 2 cá thể đó thuộc 1 loài.**
- (4) Trong tế bào của các loài sinh vật khác nhau đều có thành phần axit amin giống nhau là một loại bằng chứng tế bào học.**

Các nhận định đúng gồm:

- A. (2), (3).
- B. (1), (3), (4).
- C. (1), (2).
- D. (1), (2), (4).

Câu 62. Cho các phát biểu sau về các nhân tố tiến hóa:

- (1) Đột biến tạo ra alen mới và làm thay đổi tần số tương đối các alen của quần thể rất chậm.**

(2) Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen và làm thay đổi tần số tương đối các alen theo một hướng xác định.

(3) Di - nhập gen có thể làm phong phú thêm hoặc làm nghèo vốn gen của quần thể.

(4) Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm tăng tần số của một alen có hại trong quần thể.

(5) Giao phối không ngẫu nhiên làm biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

Các phát biểu đúng là:

A. (1), (2), (3), (4).

B. (1), (2), (4), (5).

C. (1), (3), (4).

D. (1), (2), (3), (4), (5).

Câu 63. Loài người có cột sống cong chữ S và dáng đứng thẳng là nhờ quá trình nào?

A. Sự tác động của nhân tố xã hội.

B. Lao động và tư duy.

C. Sự phát triển của bộ não và ý thức.

D. Quá trình đột biến và chọn lọc tự nhiên.

Câu 64. Khi nói về quá trình phát sinh sự sống trên Trái đất, kết luận nào sau đây là đúng?

A. Lịch sử Trái đất có 5 đại, trong đó đại Cổ sinh chiếm thời gian dài nhất.

B. Đại Trung sinh được đặc trưng bởi sự phát sinh và hưng thịnh của bò sát khổng lồ.

C. Đại Tân sinh được đặc trưng bởi sự phát sinh các loài thú, chim mà đỉnh cao là sự phát sinh loài người.

D. Các loài động vật và thực vật ở cạn đầu tiên xuất hiện vào đại Cổ sinh.

Câu 65. Hoàn thiện câu sau:

"Trong quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất ..."

A. Các tế bào sơ khai là khởi đầu của giai đoạn tiến hóa tiền sinh học.

B. Các chất hữu cơ đơn giản đã được hình thành trong giai đoạn tiến hóa hóa học.

C. Khi tế bào nguyên thủy được hình thành thì tiến hóa sinh học sẽ kết thúc.

D. Các đại phân tử hữu cơ đã được hình thành trong giai đoạn tiến hóa sinh học.

Câu 66. Nhân tố tiến hóa có thể làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng xác định là:

(1) Đột biến.

(2) Di - nhập gen.

(3) Giao phối không ngẫu nhiên.

(4) Chọn lọc tự nhiên.

(5) Các yếu tố ngẫu nhiên.

Phương án đúng là:

A. (3), (4).

B. (4).

C. (2), (4).

D. (1), (3), (4), (5).

Câu 67. Trong các bằng chứng tiến hóa sau đây, bằng chứng nào không phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới?

A. Gai xương rồng và tua cuốn của đậu Hà Lan đều là biến dạng của lá.

B. Gai của cây hoa hồng và gai của cây hoàng liên có hình thái giống nhau.

C. Hai bên lỗ huyết của trăn có hai mấu xương hình vuốt nối với xương chày.

D. Chuỗi α -hêmôglôbin của gôrla chỉ khác chuỗi α -hêmôglôbin của người ở hai axit amin.

Câu 68. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng về sự tác động của chọn lọc tự nhiên?

(1) Chọn lọc tự nhiên không thể loại bỏ hoàn toàn một alen lặn gây chết ra khỏi quần thể.

(2) Chọn lọc tự nhiên không tác động lên từng alen riêng lẻ ở các loài sinh vật lưỡng bội.

(3) Chọn lọc tự nhiên tác động chủ yếu lên hai cấp độ cá thể và quần thể.

(4) Chọn lọc tự nhiên không diễn ra khi điều kiện sống ổn định liên tục qua nhiều thế hệ.

(5) Chọn lọc tự nhiên không tác động trực tiếp lên kiểu gen.

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 69. Cho các thông tin về vai trò của các nhân tố tiến hóa như sau:

(1) Làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể theo một hướng xác định.

(2) Là nguồn nguyên liệu sơ cấp chủ yếu cho quá trình tiến hóa.

(3) Có thể loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó ra khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.

(4) Tạo ra alen mới, làm phong phú vốn gen của quần thể.

(5) Làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể rất chậm.

Có bao nhiêu phát biểu đúng về vai trò của đột biến gen?

- A. 1
- B. 4
- C. 2
- D. 3

Câu 70. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về quá trình hình thành quần thể thích nghi?

- A. Môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra các đặc điểm thích nghi của quần thể.
- B. Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò sàng lọc và làm tăng số lượng cá thể có kiểu hình thích nghi tồn tại sẵn trong quần thể cũng như tăng cường mức độ thích nghi của các đặc điểm bằng cách tích lũy các alen tham gia quy định các đặc điểm thích nghi.
- C. Tốc độ hình thành quần thể thích nghi phụ thuộc vào: quá trình phát sinh và tích lũy các gen đột biến ở mỗi loài; tốc độ sinh sản của loài và áp lực của CLTN.
- D. Các đặc điểm thích nghi chỉ mang tính tương đối vì trong môi trường này thì nó có thể là thích nghi nhưng trong môi trường khác lại có thể không thích nghi.

Câu 71. Trong các đại địa chất, có bao nhiêu sự kiện sau đây là đúng?

- (1) Thực vật có hạt và bò sát bắt đầu xuất hiện ở kỷ Pecmi thuộc đại Cổ sinh.**
- (2) Lưỡng cư và côn trùng bắt đầu xuất hiện vào kỷ Silua thuộc đại Cổ sinh.**
- (3) Sự tuyệt diệt của bò sát cổ xảy ra ở kỷ Jura thuộc đại Trung sinh.**
- (4) Thực vật có hoa bắt đầu xuất hiện tại kỷ Krêta thuộc đại Trung sinh.**
- (5) Sinh vật nhân sơ phát sinh tại đại Nguyên sinh.**

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 72. Khi nói về nhân tố tiến hoá, số đặc điểm mà cả nhân tố di - nhập gen và nhân tố đột biến đều có là:

- (1) Đều có thể làm xuất hiện các kiểu gen mới trong quần thể.**
- (2) Đều làm thay đổi tần số alen không theo hướng xác định.**
- (3) Đều có thể dẫn tới làm giảm tính đa dạng di truyền của quần thể.**
- (4) Đều có thể làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.**
- (5) Đều có thể làm xuất hiện các alen mới trong quần thể.**

Số đặc điểm mà cả nhân tố di - nhập gen và nhân tố đột biến đều có là

- A. 5 đặc điểm
- B. 4 đặc điểm.
- C. 2 đặc điểm.
- D. 3 đặc điểm.

Câu 73. Các cơ quan thoái hóa không còn giữ chức năng gì vẫn được di truyền từ đời này sang đời khác mà không bị chọn lọc tự nhiên đào thải, giải thích nào sau đây đúng?

- A. Cơ quan này thường không gây hại cho cơ thể sinh vật, thời gian tiến hóa chưa đủ dài để các yếu tố ngẫu nhiên loại bỏ các gen quy định cơ quan thoái hóa.
- B. Cơ quan thoái hóa không có chức năng gì nên tồn tại trong quần thể sẽ không ảnh hưởng đến sự tiến hóa của quần thể.
- C. Nếu loại bỏ cơ quan thoái hóa sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan khác trong cơ thể.
- D. Cơ quan thoái hóa là cơ quan khác nguồn gốc tạo ra sự đa dạng di truyền nên được chọn lọc tự nhiên giữ lại.

Câu 74. Phát biểu nào sau đây là không đúng về sự phát sinh sự sống trên Trái Đất ?

- A. Quá trình hình thành các hợp chất hữu cơ cao phân tử đầu tiên diễn ra theo con đường hoá học và nhờ nguồn năng lượng tự nhiên.
- B. Các chất hữu cơ phức tạp đầu tiên xuất hiện trong đại dương nguyên thủy tạo thành các keo hữu cơ, các keo này có khả năng trao đổi chất và đã chịu tác động của quy luật chọn lọc tự nhiên.
- C. Quá trình phát sinh sự sống (tiến hoá của sự sống) trên Trái Đất gồm các giai đoạn: tiến hoá hoá học, tiến hoá tiền sinh học và tiến hoá sinh học.
- D. Sự sống đầu tiên trên Trái Đất được hình thành trong khí quyển nguyên thủy, từ chất hữu cơ phức tạp.

Câu 75. Nội dung nào sau đây phù hợp với những quan sát và suy luận của Đacuyn về quá trình tiến hóa?

- A. Các cá thể sinh ra trong cùng một lứa thì thường phản ứng như nhau trước cùng một điều kiện môi trường.
- B. Tất cả các loài sinh vật luôn có xu hướng sinh ra một số lượng con vừa đủ với khả năng cung cấp của môi trường.
- C. Những cá thể thích nghi tốt dẫn đến khả năng sống sót và sinh sản cao hơn các cá thể khác sẽ để lại nhiều con hơn cho quần thể.
- D. Các biến dị xuất hiện đồng loạt ở các cá thể dưới tác dụng trực tiếp của ngoại cảnh phần lớn có khả năng di truyền lại cho các thế hệ sau.

Câu 76. Có bao nhiêu phát biểu dưới đây là không đúng khi nói về giao phối ngẫu nhiên?

- (1) Giao phối ngẫu nhiên không làm biến đổi thành phần kiểu gen và tần số tương đối các alen trong quần thể.
- (2) Giao phối ngẫu nhiên tạo ra các biến dị tổ hợp, góp phần trung hòa tính có hại của đột biến
- (3) Giao phối ngẫu nhiên tạo ra các kiểu gen mới, cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa.
- (4) Giao phối ngẫu nhiên làm gia tăng áp lực của quá trình đột biến bằng cách phát tán đột biến trong quần thể.
- (5) Giao phối ngẫu nhiên không phải là một nhân tố tiến hóa.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 77. Trong nhánh tiến hóa hình thành nên người hiện đại, những dạng người nào sau đây đã có đời sống văn hóa:

- (1) *Homo erectus*.
- (2) *Homo habilis*.
- (3) *Homo neanderthalensis*.
- (4) *Homo sapiens*.

- A. (1), (3), (4)
- B. (2), (3), (4).
- C. (3), (4).
- D. (4).

Câu 78. Nhân tố tiến hóa nào sau đây vừa làm phong phú, vừa làm nghèo vốn gen của quần thể?

- A. Đột biến.
- B. Các yếu tố ngẫu nhiên.
- C. Giao phối không ngẫu nhiên.
- D. Di - nhập gen.

Câu 79. Điểm giống nhau giữa giao phối ngẫu nhiên và giao phối không ngẫu nhiên là:

- A. Đều có thể cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hóa.
- B. Đều được xem là nhân tố tiến hóa.

- C. Điều làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- D. Điều làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

Câu 80. Khi nói về cách li địa lí, nhận định nào sau đây chưa chính xác?

- A. Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về vốn gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.
- B. Trong tự nhiên, nhiều quần thể trong loài cách li nhau về mặt địa lí trong thời gian dài nhưng vẫn không xuất hiện cách li sinh sản.
- C. Cách li địa lí có thể xảy ra đối với loài có khả năng di cư, phát tán và những loài ít di cư.
- D. Cách li địa lí là những trở ngại sinh học ngăn cản các cá thể của các quần thể giao phối với nhau.

Câu 81. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hóa, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố tiến hóa có hướng.
- B. Các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm nghèo vốn gen của quần thể.
- C. Di - nhập gen có thể mang đến những alen đã có sẵn trong quần thể.
- D. Giao phối không ngẫu nhiên vừa làm thay đổi tần số alen vừa làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

Câu 82. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về quá trình hình thành loài mới?

- A. Phần lớn các loài thực vật có hoa và dương xỉ được hình thành bằng con đường cách li sinh thái.
- B. Hình thành loài bằng con đường cách li sinh thái và con đường lai xa và đa bội hóa thường diễn ra trong cùng khu phân bố.
- C. Ở thực vật, một cá thể được xem là loài mới khi được hình thành bằng cách lai giữa hai loài khác nhau và được đa bội hóa.
- D. Hình thành loài mới ở thực vật có thể diễn ra bằng các con đường cách li địa lí, cách li tập tính, cách li sinh thái.

Câu 83. Điểm giống nhau giữa các yếu tố ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên là?

- A. Điều chỉ làm thay đổi tần số alen mà không làm thay đổi thành phần kiểu gen.
- B. Điều làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể.
- C. Điều làm biến đổi mạnh tần số alen của quần thể theo một hướng xác định.
- D. Điều loại bỏ những alen có hại ra khỏi quần thể và giữ lại alen có lợi.

Câu 84. Theo quan niệm của thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Lai xa và đa bội hóa có thể nhanh chóng tạo nên loài mới ở thực vật.

B. Tiến hóa nhỏ là quá trình làm biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

C. Các yếu tố ngẫu nhiên dẫn đến làm tăng sự đa dạng di truyền của quần thể.

D. Tiến hóa nhỏ sẽ không xảy ra nếu tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể được duy trì cân đối từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Câu 85. Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất thực vật có hạt xuất hiện ở kì nào sau đây?

A. Kỉ Silua

B. Kỉ Cambri

C. Kỉ Cacbon

D. Kỉ Đêvôn

Câu 86. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về quá trình hình thành loài mới?

(1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lý hoặc khác khu vực địa lý.

(2) Đột biến đảo đoạn có thể góp phần tạo nên loài mới.

(3) Lai xa và đa bội hóa có thể tạo ra loài mới có bộ nhiễm sắc thể song nhị bội.

(4) Quá trình hình thành loài có thể chịu sự tác động của các yếu tố ngẫu nhiên

A. 3

B. 4

C. 2

D. 1

Câu 87. Phát biểu nào sau đây không đúng về nguồn nguyên liệu tiến hóa?

A. Biến dị tổ hợp được tạo ra qua quá trình sinh sản là nguyên liệu thứ cấp.

B. Đột biến gen xuất hiện với tần số thấp, là nguyên liệu sơ cấp.

C. Nguyên liệu tiến hóa của quần thể có thể được bổ sung bởi sự di chuyển của các cá thể hoặc các giao tử từ các quần thể khác vào.

D. Thường biến không di truyền được nên không có ý nghĩa đối với tiến hóa.

Câu 88. Trong loài người *Homo erectus*, đặc điểm nào sau đây chỉ có ở người cổ Bắc Kinh (*Xinantrop*)?

A. Đi thẳng đứng

B. Biết dùng lửa

C. Có lời cảm

D. Biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động bằng đá.

Câu 89. Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất, bò sát phát sinh ở kì nào sau đây?

- A. Silua.
- B. Krêta (Phấn trắng).
- C. Đêvôn.
- D. Than đá (Cacbon).

Câu 90. Loại bằng chứng nào sau đây có thể giúp chúng ta xác định được loài nào xuất hiện trước, loài nào xuất hiện sau trong lịch sử phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất?

- A. Bằng chứng sinh học phân tử.
- B. Bằng chứng giải phẫu so sánh.
- C. Bằng chứng hóa thạch.
- D. Bằng chứng tế bào học.

Câu 91. Đối với loài ngẫu phối, một alen lặn gây hại nằm trên NST thường có thể bị đào thải hoàn toàn ra khỏi quần thể dưới tác động của nhân tố nào sau đây?

- A. Đột biến gen trội.
- B. Các yếu tố ngẫu nhiên.
- C. Chọn lọc tự nhiên.
- D. Giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 92. Đặc điểm về cấu tạo cơ thể xuất hiện sau cùng và chỉ có ở nhánh tiến hóa của loài người mà không có ở nhánh tiến hóa hình thành nên các loài khác là:

- A. Chi năm ngón, ngón cái đối diện với các ngón khác.
- B. Dáng đứng thẳng.
- C. Có lời cảm.
- D. Bộ não phát triển.

Câu 93. Phát biểu nào sau đây không phải là quan niệm của Đacuyn?

- A. Chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.
- B. Chỉ có những biến dị phát sinh trong quá trình sinh sản mới là nguyên liệu của tiến hóa.
- C. Ngoại cảnh thay đổi mạnh là nguyên nhân gây ra những biến đổi trên cơ thể sinh vật.
- D. Toàn bộ sinh giới ngày nay là kết quả quá trình tiến hóa từ một nguồn gốc chung.

Câu 94. Điều gì là đúng với các yếu tố ngẫu nhiên và di nhập gen?

- (1) Chúng đều là các nhân tố tiến hóa.
- (2) Chúng đều là quá trình hoàn toàn ngẫu nhiên.

(3) Chúng luôn dẫn đến sự thích nghi.

(4) Chúng đều làm phong phú vốn gen của quần thể.

A. (2), (3).

B. (1), (4).

C. (1), (2).

D. (1), (3).

Câu 95. Khi nói về nhân tố tiến hoá, xét các đặc điểm sau:

(1) Luôn có thể làm xuất hiện các kiểu gen mới trong quần thể.

(2) Luôn làm thay đổi tần số alen không theo hướng xác định.

(3) Luôn có thể dẫn tới làm giảm tính đa dạng di truyền của quần thể.

(4) Luôn có thể làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

(5) Luôn có thể làm xuất hiện các alen mới trong quần thể.

Số đặc điểm mà cả nhân tố di - nhập gen và nhân tố đột biến đều có là

A. 5 đặc điểm.

B. 4 đặc điểm.

C. 2 đặc điểm.

D. 3 đặc điểm.

Câu 96. Có bao nhiêu đặc điểm sau đây chỉ có ở các yếu tố ngẫu nhiên mà không có ở chọn lọc tự nhiên?

(1) Có thể làm giảm tính đa dạng di truyền của quần thể.

(2) Có thể làm biến đổi mạnh tần số alen của quần thể.

(3) Có thể tác động liên tục qua nhiều thế hệ.

(4) Có thể làm biến đổi vô hướng tần số alen của quần thể.

(5) Có thể loại bỏ hoàn toàn một alen có lợi ra khỏi quần thể.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 97. Hiện tượng di nhập gen

A. Tạo ra alen mới, cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa.

B. Làm thay đổi thành phần kiểu gen mà không làm thay đổi tần số tương đối các alen của quần thể.

C. Làm giảm bớt sự phân hóa kiểu gen giữa các quần thể khác nhau trong cùng một loài.

D. Không phụ thuộc vào sự chênh lệch giữa số lượng cá thể đi vào và số lượng cá thể đi ra khỏi quần thể.

Câu 98. Có bao nhiêu đặc điểm sau đây chỉ xuất hiện ở người hiện đại Homo sapiens mà không có ở các dạng người tổ tiên?

- (1) Có đời sống văn hóa và tôn giáo.
- (2) Biết sử dụng lửa để nấu chín thức ăn.
- (3) Dáng đứng thẳng.
- (4) Biết chế tác và sử dụng công cụ lao động.
- (5) Có lời cảm.
- (6) Chi năm ngón

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 99. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây có thể làm thay đổi đột ngột tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể?

- A. Giao phối không ngẫu nhiên.
- B. Giao phối ngẫu nhiên.
- C. Các yếu tố ngẫu nhiên.
- D. Đột biến.

Câu 100. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, trong các phát biểu sau về quá trình hình thành loài mới, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.
- (2) Đột biến đảo đoạn có thể góp phần tạo nên loài mới.
- (3) Lai xa và đa bội hóa có thể tạo ra loài mới có bộ nhiễm sắc thể song nhị bội.
- (4) Quá trình hình thành loài có thể chịu sự tác động của các yếu tố ngẫu nhiên.

- A. 3
- B. 4
- C. 2
- D. 1

Câu 101. Khi nói về sự hình thành loài mới bằng con đường địa lí, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Sự hình thành loài mới luôn gắn liền với sự hình thành đặc điểm thích nghi mới.
- B. Là phương thức hình thành loài có ở cả động vật và thực vật.
- C. Cách li địa lí là nhân tố tạo điều kiện cho sự phân hóa trong loài.

D. Điều kiện địa lí là nguyên nhân trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

Câu 102. Khi nói về quá trình hình thành loài mới bằng con đường cách li địa lí, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Hình thành loài bằng con đường cách li địa lí thường xảy ra ở các loài động vật ít di chuyển.
- B. Cách li địa lí luôn dẫn đến cách li sinh sản và hình thành nên loài mới.
- C. Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.
- D. Cách li địa lí trực tiếp làm biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

Câu 103. Có bao nhiêu nhân tố sau đây làm thay đổi tần số tương đối của các alen không theo một hướng xác định?

I. Đột biến.

II. Chọn lọc tự nhiên

III. Các yếu tố ngẫu nhiên

IV. Di - nhập gen.

- A. 1
- B. 3
- C. 2
- D. 4

Câu 104. Trong lịch sử phát triển của thế giới sinh vật, ở kỉ nào sau đây Dương xỉ phát triển mạnh, thực vật có hạt xuất hiện, Lưỡng cư ngự trị, phát sinh bò sát?

- A. Kỉ Cacbon.
- B. Kỉ Pecmi.
- C. Kỉ Đêvôn.
- D. Kỉ Triat.

Câu 105. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Khi không có tác động của các nhân tố: Đột biến, chọn lọc tự nhiên và di - nhập gen thì tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể sẽ không thay đổi.**
- II. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi đột ngột tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.**
- III. Quá trình tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hóa**
- IV. Các yếu tố ngẫu nhiên làm nghèo vốn gen quần thể, giảm sự đa dạng di truyền nên luôn dẫn tới tiêu diệt quần thể.**

- A. 2
- B. 3
- C. 1
- D. 4

Câu 106. Khi nói về các bằng chứng tiến hóa, có bao nhiêu phát biểu sau đây sai?

- I. Bằng chứng sinh học phân tử là bằng chứng tiến hóa trực tiếp vì có thể nghiên cứu được bằng thực nghiệm.
- II. Cơ quan tương đồng chỉ phản ánh hướng tiến hóa phân li mà không phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới.
- III. Tất cả các sinh vật từ virus, vi khuẩn đến động vật, thực vật đều cấu tạo từ tế bào nên bằng chứng tế bào học phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới.
- IV. Cơ quan tương tự là loại bằng chứng tiến hóa trực tiếp và không phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 107. Khi nói về cách li địa lí, có bao nhiêu nhận định sau đây sai?

- I. Cách li địa lí góp phần duy trì sự khác biệt về vốn gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.
- II. Trong tự nhiên, nhiều quần thể trong loài cách li nhau về mặt địa lí trong thời gian dài nhưng có thể vẫn không xuất hiện cách li sinh sản.
- III. Cách li địa lí có thể xảy ra đối với loài có khả năng di cư, phát tán và những loài ít di cư.
- IV. Cách li địa lí là những trở ngại sinh học ngăn cản các cá thể của các quần thể giao phối với nhau.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 108. Đối với quần thể có kích thước nhỏ, nhân tố nào sau đây có thể sẽ làm thay đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng?

- A. Đột biến.
- B. Giao phối không ngẫu nhiên.
- C. Các yếu tố ngẫu nhiên.
- D. Giao phối ngẫu nhiên.

Câu 109. Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng khi nói về quá trình tiến hóa nhỏ?

- A. Tiến hóa nhỏ giúp hình thành các đơn vị phân loại trên loài.
- B. Tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô loài và diễn biến không ngừng.
- C. Tiến hóa nhỏ diễn ra trong thời gian lịch sử lâu dài.
- D. Tiến hóa nhỏ làm biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể.

Câu 110. Trong các hình thức cách li được trình bày dưới đây, loại cách li nào bao gồm các trường hợp còn lại?

- A. Cách li sinh thái.
- B. Cách li tập tính.
- C. Cách li cơ học.
- D. Cách li sinh sản.

Câu 111. Trong giai đoạn nguyên thủy của khí quyển Trái Đất không có khí nào sau đây?

- A. CO₂.
- B. O₂.
- C. NH₃.
- D. CH₄

Câu 112. Cơ quan thoái hoá mặc dù không có chức năng gì nhưng vẫn được duy trì qua rất nhiều thế hệ mà không bị chọn lọc tự nhiên đào thải. Có bao nhiêu giải thích đúng?

- I. Gen quy định cơ quan thoái hoá liên kết chặt với những gen quy định các chức năng quan trọng.
- II. Cơ quan thoái hoá là những cơ quan có hại.
- III. Cơ quan thoái hoá không chịu sự tác động của chọn lọc tự nhiên.
- IV. Thời gian tiến hoá chưa đủ lâu để các yếu tố ngẫu nhiên loại bỏ chúng.

- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 113. Có bao nhiêu trường hợp sau đây được gọi là cách li sau hợp tử?

- I. Các cá thể giao phối với nhau nhưng con lai bị bất thụ.
- II. Các cá thể sinh sản vào các mùa khác nhau.
- III. Các cá thể có cơ quan sinh sản không tương đồng.
- IV. Các cá thể có tập tính giao phối khác nhau.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 114. Các bằng chứng tiến hóa thường cho kết quả chính xác hơn cả về hai loài hiện đang sống là có quan hệ họ hàng gần gũi nhất với nhau và chúng được tách nhau ra từ một tổ tiên chung và cách đây từ bao nhiêu năm là?

- A. Bằng chứng sinh học phân tử và bằng chứng hình thái.
- B. Bằng chứng sinh học phân tử và bằng chứng hóa thạch
- C. Bằng chứng phôi sinh học và bằng chứng phân tử
- D. Bằng chứng di truyền tế bào với bằng chứng phân tử

Câu 115. Khi nói về chọn lọc tự nhiên, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Chọn lọc tự nhiên chống lại alen lặn làm thay đổi tần số alen nhanh hơn chọn lọc chống lại alen trội.
- B. Chọn lọc tự nhiên làm tăng tính đa dạng di truyền của quần thể.
- C. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên alen, qua nhiều thế hệ sẽ chọn lọc được kiểu gen.
- D. Chọn lọc tự nhiên là nhân tố quy định chiều hướng tiến hóa của sinh giới.

Câu 116. Trong lịch sử phát triển của sự sống trên Trái Đất, dương xỉ phát triển mạnh ở kỉ nào sau đây?

- A. Kỉ Cacbon.
- B. Kỉ Krêta
- C. Kỉ Pecmi.
- D. Kỉ Jura.

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM SINH 12 BÀI 24 PHẦN 5 CÓ ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	A	Câu 59	B
Câu 2	A	Câu 60	C
Câu 3	B	Câu 61	C
Câu 4	A	Câu 62	C

Câu 5	D	Câu 63	D
Câu 6	A	Câu 64	D
Câu 7	C	Câu 65	B
Câu 8	A	Câu 66	A
Câu 9	C	Câu 67	B
Câu 10	A	Câu 68	C
Câu 11	A	Câu 69	D
Câu 12	B	Câu 70	A
Câu 13	D	Câu 71	A
Câu 14	D	Câu 72	B
Câu 15	C	Câu 73	A
Câu 16	C	Câu 74	D
Câu 17	A	Câu 75	C
Câu 18	D	Câu 76	B
Câu 19	A	Câu 77	D
Câu 20	D	Câu 78	D
Câu 21	C	Câu 79	A
Câu 22	C	Câu 80	D

Câu 23	B	Câu 81	D
Câu 24	B	Câu 82	B
Câu 25	B	Câu 83	B
Câu 26	D	Câu 84	C
Câu 27	D	Câu 85	C
Câu 28	B	Câu 86	B
Câu 29	D	Câu 87	D
Câu 30	B	Câu 88	B
Câu 31	B	Câu 89	D
Câu 32	C	Câu 90	C
Câu 33	D	Câu 91	B
Câu 34	D	Câu 92	C
Câu 35	D	Câu 93	C
Câu 36	C	Câu 94	C
Câu 37	C	Câu 95	B
Câu 38	B	Câu 96	B
Câu 39	C	Câu 97	C
Câu 40	D	Câu 98	B

Câu 41	D	Câu 99	C
Câu 42	D	Câu 100	B
Câu 43	B	Câu 101	D
Câu 44	B	Câu 102	C
Câu 45	A	Câu 103	B
Câu 46	A	Câu 104	A
Câu 47	B	Câu 105	C
Câu 48	D	Câu 106	D
Câu 49	B	Câu 107	A
Câu 50	A	Câu 108	C
Câu 51	B	Câu 109	D
Câu 52	D	Câu 110	D
Câu 53	C	Câu 111	B
Câu 54	B	Câu 112	A
Câu 55	B	Câu 113	A
Câu 56	D	Câu 114	B
Câu 57	A	Câu 115	D
Câu 58	B	Câu 116	A